

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/12/2023

V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Thịnh

2. Ông Đinh Quốc Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh T1, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T2, xã Y, huyện P, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Huỳnh Thành L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T2, xã Y huyện P, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T3 – Tổng Giám đốc Ngân hàng A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà T4 – chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện P (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Bùi Thanh T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Huỳnh Thành L năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh T. Trước khi kết hôn hai anh chị được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với nhau ở xóm

T2, xã Y, huyện P, tỉnh T. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, lần mâu thuẫn gần nhất là tháng 3/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác và anh L không giải thích thỏa đáng với chị. Từ đó, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Tháng 11/2023 chị T1 chuyển ra thuê nhà ở bên ngoài. Tại phiên tòa, chị xác định không còn tình cảm với anh L, tha thiết xin được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/4/2017. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng. Nếu anh L có nguyện vọng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý giao con chung cho anh L nuôi dưỡng, anh L có yêu cầu cấp dưỡng thì chị cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Vay từ năm 2021, thời hạn vay là 05 năm. Khi ly hôn chị tự nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Huỳnh Thành L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bùi Thanh T1 năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh T. Trước khi kết hôn anh chị được tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 05-06 tháng và đến với nhau tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ở xóm T2, xã Y, huyện P, tỉnh T. Trong thời gian chung sống, tình cảm vợ chồng có lúc hạnh phúc nhưng cũng có lúc có mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ những chuyện nhỏ trong cuộc sống. Mâu thuẫn gay gắt nhất là vào khoảng tháng 3/2023 do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau nên đã xảy ra cãi nhau. Thêm vào đó quan hệ mẹ chồng và con dâu không tốt nên quan hệ giữa hai vợ chồng cũng bị ảnh hưởng. Hiện hai anh chị đang sống ly thân với nhau. Anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị T1 nên có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T1 có 01 con chung là Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/4/2017. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Năm 2021, hai anh chị vay Ngân hàng A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo chương trình nước sạch, thời hạn vay là 05 năm. Trường hợp phải ly hôn, anh nhất trí giao khoản nợ trên cho chị T1 thanh toán.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai:

Anh Huỳnh Thành L (chủ hộ vay vốn) và chị Bùi Thanh T1 (người thừa kế vay vốn) đều thường trú tại xóm T2, xã Y, huyện P, tỉnh T. Ngày 29/3/2021, gia đình anh Huỳnh Thành L và chị Bùi Thanh T1 có vay vốn của Ngân hàng A thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Phú Lương với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) theo chương trình cho vay Hộ

nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/4/2026, mục đích sử dụng vốn là xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh. Nay do mâu thuẫn gia đình, chị T1 khởi kiện ly hôn đối với anh Huỳnh Thành L, Ngân hàng không yêu cầu khởi kiện độc lập. Chị T1 nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng nhất trí với ý kiến của chị T1

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28; 35 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 được ly hôn anh L;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/4/2017 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn theo hợp đồng

- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chị T1, anh L vẫn giữ nguyên quan điểm. Cho nên, vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Bùi Thanh T1 và bị đơn là anh Huỳnh Thành L (có địa chỉ tại xóm T2, xã Y, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2]: Về nội dung: chị Bùi Thanh T1 và anh Huỳnh Thành L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]: Lý do chị Bùi Thanh T1 xin ly hôn với anh Huỳnh Thành L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn, tháng 3/2023 chị T1 có nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, anh L và chị T1 không có tiếng nói chung, tháo gỡ mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1, anh L đã xảy ra nhiều năm, chị T1 cho anh L nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng không được, hai bên không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay chị T1 đề nghị ly hôn, anh L không nhất trí, nhưng chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị T1 được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]: Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Quá trình chung sống chị T1 và anh L có 01 con chung là Huỳnh Gia Bảo, sinh ngày 27/4/2017. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị T1 nhất trí. Do vậy, cần giao cho anh L trực tiếp nuôi cháu Bảo là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh Huỳnh Thành L không yêu cầu anh Bùi Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị Bùi Thanh T1 là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]: Về Tài sản chung: Chị Bùi Thanh T1 và anh Huỳnh Thành L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]: Về nợ chung: Chị T1 và anh L có vay của Ngân A số tiền 20.000.000 đồng. Chị T1 tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn theo hợp đồng, không yêu cầu anh L cùng có trách nhiệm trả nợ. Ngân hàng cũng nhất trí với ý kiến của chị T1. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận này giữa chị T1, anh L và Ngân hàng A.

[2.5]: Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Bùi Thanh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[2.6]: Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật. Cần được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thanh T1. Chị Bùi Thanh T1 được ly hôn anh Huỳnh Thành L

2. Về con chung:

- Giao cho anh Huỳnh Thành L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Huỳnh Gia B, sinh ngày 27/4/2017, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Thành L không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

- Chị Bùi Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Bùi Thanh T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thanh T1 phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ khấu vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004355 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Y;
- Lưu HSVA, VP, TP, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Phú Đô;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Đức L

